

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Light

FREEDOM S1PS LOW

FYTS1PSL

Giày an toàn sáng t ạo **và** cự c **kỳ mái** n **mũi giày an toàn** p **kheo** g t ự **nhiên**

phóng **giày an toàn** c ổ thấp này, đư ế **thiết** ỷ k n độ n g t ự nhiên và c ơ sinh h àn chân. FREEDOM S1PS **mái vòm** s phần mũi giày an toàn, n **theo** h c g ứ n g nhận ESD và khả năng ch ố n g đâm thủn g. Nh ẹ , **thoáng khí và hoàn** toàn không c chứa **kim** l

CO₂ 7.03 kg



BLK

Những vật liệu **cao** cấp l **may** D	
ót bên trong	i 3D tái ch (100% tái chế)
trong Đ	ệm **chân SJ** làm từ **mút tái** chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g	i không d và chống thủng
ngoài Đ	ETPU/CAO SU
u Đứng đầ	Nanocarbon
i Loạ	S1 PS / SR, SC, FO, HI, HRO, CI, ESD
Phạm **vi kích** thước	EU 35-50 / UK 3.0-14.0 / US 3.0-15.0 JPN 21.5-33.0 / KOR 230-330
g lượng t **thép**	0.535 kg
ẩn **hiệu** chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024

CE · ESD · HRO · HI · CI · 3FIT SYSTEM · NESKRID



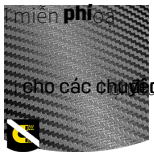
Barefoot-like walking
Anatomical toecap: barefoot-like walking for natural movement and reduced fatigue.



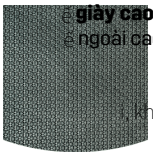
Mũi giày an toàn bằng **nano-carbon**
Vật liệu **công** nghệ **cao** siêu nhẹ, **không** kh i **kim** l



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm **và** kiểm soát nhiệt độ c **giúp** h **lâu** hơn.



miễn **phí** oạ
Giày an toàn không có **giày** an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyên **giày** l



giày cao su
ế ngoài cao su cung cấp các tính năng linh hoạt giúp chúng phù h ực ứng dụng: khả **năng** chống cắt , khả **năng** chịu nhiệt **và** độ lạnh, **tính** linh hoạt cao ở nhiệt độ lạnh, khả **năng** **tuyệt** và nhiều l



hấp thụ **gót chân**
Sự hấp thụ **năng** lượng ở **gót chân** c **giúp** g i mang. ười hoặc chạy lên cơ thể ng

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
Biên t ập , lĩnh vự c ô tô, Ngành công n gbiệầnp , hậ

ường: **Môi** t
rư ờn mộikhô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Dagiầy, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giầy thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằmphẳng cáphủ hầnmịệgKhôngtrên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vậ t lt **máy** D **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng ntuấmớch ơ	? 0.8	32.71		ờ	mg/cm/g
	Top: hi nụệ sốch ơ	? 15	262			mg/cm2
ót bên trong	i **3D tái** L ch ốế **(100% tái** ch ế)					
	L ớp **lót:** ntuấmớch ơ	? 2	37.07		ờ	mg/cm/g
	lót: hi nụệ sốch ơ	? 20	297			mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vậ t l iệu **tái** ch ế)					
	ệ m chân Đch ố n g mài mòn (khô/ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles			chu kỳ
goài	Đ **ETPU/CAO SU**					
	Ch ố ma sát tĩnh đế ngoài (	? 150	114			mm
	Chư ố trc gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ớt gót, v ề phía t	? 0.31	0.47			ma sát
	rư Cht có mt bảng - G ố m + NaLS - Trư ớt lùi v ề phía t	? 0.36	0.45			ma sát
	rư Cht SR - G ố m + Glycerin - Trư ớt gót, phía t	? 0.19	0.35			ma sát
	Chư ố trc SR - G ố m + Glycerin - Trư ớt lùi v ề phía t	? 0.22	0.32			ma sát
	rị ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000	42.6			megaohm
	rị ESD Giá t	0.1 - 100	20			megaohm
	Hấp thụ năng l ợ gót chân củ	? 20	33			J
Đ ứ n g đầ **Nanocarbon**						
	Mũi giầy an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A			mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A			mm
	Mũi giầy an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	16.5			mm
	Mũi giầy an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	23.0			mm

kích thước thép: 42

a chúGiầy khôngcó u ể thayêvà nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO2 phát** thả					
	V ậ t l iệu		4.76		kg
	Bao bì		0.12		kg
ất	Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			7.03 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l	Tiệ ý **tái** ch ế			
	Product		19%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
rị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán